

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3431 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 15 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường
biển và hải đảo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1078/TTr-STNMT ngày 08/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kết quả đánh giá được thể hiện trong Bảng tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định và 03 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Tin học - Công báo), Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai kết quả đánh giá trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nội dung công bố là Bảng tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K4, K10, K13.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
2	Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
3	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	12	10	83,3%	Khá
4	Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	12	11	91,6%	Tốt

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
5	Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	30	25	83,3%	Khá
6	Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	12	10	83,3%	Khá
7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
8	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo	10	10	100%	Tốt
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO		100	90	90%	Tốt

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU CHỨNG MINH KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
1	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tiêu chí 1.1.1, 5.3.1
2	Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023	Tiêu chí 1.1.1
3	Quyết định số 66/QĐ-STNMT ngày 14/02/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Chương trình công tác năm 2022	Tiêu chí 1.1.1, 3.1.1, 3.2.1, 4.1
4	Báo cáo số 28/BC-STNMT ngày 02/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023	Tiêu chí 1.1.2
5	Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định năm 2022	Tiêu chí 1.1.2, 3.2.1, 3.2.2, 4.2, 4.3, 5.2.1, 5.2.3
6	Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022	Tiêu chí 1.1.2, 3.1.2, 3.1.3, 3.2.1, 3.2.2, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 5.2.1, 5.3.2, 6.2, 8.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
7	Báo cáo số 242/BC-STNMT ngày 01/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm điểm việc chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023	Tiêu chí 1.2.1, 1.2.2
8	Kế hoạch số 06/KH-STNMT ngày 25/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2022	Tiêu chí 2.1
9	Báo cáo số 263/BC-STNMT ngày 19/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả tự kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành năm 2022 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Tiêu chí 2.1, 2.2
10	Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2022	Tiêu chí 2.1
11	Kế hoạch số 09/KH-STNMT ngày 17/02/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022	Tiêu chí 2.3
12	- Quyết định số 28/QĐ-STNMT ngày 17/01/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022; - Quyết định số 883/QĐ-STNMT ngày 08/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022.	Tiêu chí 2.3, 8.1.1
13	Báo cáo số 234/BC-STNMT ngày 25/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chí 2.3
14	Văn bản số 697/CCBVMT-KSON ngày 22/8/2023 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc cung cấp thông tin đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh năm 2022	Tiêu chí 2.3, 8.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
15	Quyết định số 654/QĐ-STNMT ngày 04/10/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Ban Mai của Công ty TNHH Ban Mai.	Tiêu chí 2.3
16	Văn bản số 2992/STNMT-CCBVMT ngày 25/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Ban Mai.	Tiêu chí 2.3, 8.1.2
17	Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về công tác bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022	Tiêu chí 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3, 3.2.1, 3.2.2, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.8, 5.2.1
18	Văn bản số 437/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 14/08/2023 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh năm 2022	Tiêu chí 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3, 6.3
19	- Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: Nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định; - Quyết định số 995/QĐ-STNMT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ: Điều tra, khảo sát hiện trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh; - Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Tiêu chí 3.1.2, 3.1.3
20	Văn bản số 3899/STNMT-BHĐ ngày 30/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường biển ven bờ khu vực miền Trung	Tiêu chí 3.1.3

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
21	Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2022 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chí 3.2.1, 4.2, 4.4
22	Báo cáo số 1836/BC-TS ngày 15/12/2022 của Chi cục Thủy sản về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023	Tiêu chí 3.2.1, 3.2.2, 4.1, 4.2
23	Văn bản số 26/TS-NTTS ngày 16/01/2023 của Chi cục Thủy sản về việc báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022	Tiêu chí 3.2.1, 3.2.2, 4.1, 4.2, 4.3
24	Báo cáo khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Phường Ghềnh Ráng - Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Tiêu chí 4.1, 4.6, 4.7
25	- Quyết định số 983/QĐ-STNMT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả dự án Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi; - Báo cáo tổng kết Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội.	Tiêu chí 4.6, 4.7
26	- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Cấp lại, gia hạn lần 1) số 186/GP-BTNMT ngày 15/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cho phép Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn được xả nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình vào nguồn nước; - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 66/GP-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về việc cho phép Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn được xả nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải 2A vào nguồn nước; - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Gia hạn lần 1) số 51/GP-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định được xả nước	Tiêu chí 4.8

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ vào nguồn nước; - Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 09/11/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc cấp phép cho Ban Quản lý Dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Khu xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội (phân kỳ I, giai đoạn 1); - Văn bản số 1371/UBND-KT ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh về việc kết quả tính toán Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2022 tỉnh Bình Định; - Văn bản số 273/BQLCI-GS ngày 14/12/2022 của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn về việc báo cáo tổng hợp tình hình xả nước thải vào nguồn nước của nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình, 2A; - Văn bản số 39/CCBVM-T-KSON ngày 13/01/2023 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc cung cấp thông tin phục vụ báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022; - Văn bản số 252/STNMT-CCBVM-T ngày 27/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đưa hệ thống quan trắc nước thải tự động vào vận hành chính thức; - Quyết định số 611/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải.	
27	Quyết định số 570/QĐ-STNMT ngày 25/12/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	Tiêu chí 5.1
28	- Văn bản số 1153/UBND-KT ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn	Tiêu chí 5.2.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	tỉnh; - Văn bản số 2417/STNMT-CCBVM ngày 08/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tiến độ thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để của Cảng cá Quy Nhơn; - Văn bản số 2433/STNMT-CCBVM ngày 09/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tiến độ thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để của Làng nghề chế biến hải sản khô xuất khẩu Xuân Bình - Xuân Thạnh; - Văn bản số 5176/UBND-TD ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh về việc xử lý ô nhiễm môi trường do hoạt động sơ chế mực xà tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát.	
29	Báo cáo số 416/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Phù Cát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023 trên địa bàn huyện Phù Cát	Tiêu chí 5.2.3, 8.1.3, 8.1.4
30	- Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; - Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Tiêu chí 5.3.1
31	Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Tiêu chí 5.3.1, 7.1
32	- Báo cáo số 1894/BC-TS ngày 29/12/2022 của Chi cục Thủy sản về kết quả thực hiện phong trào thi đua Toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản năm 2022; - Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Bãi Dứa, xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn; - Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn về công	Tiêu chí 5.3.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực phía Tây Hòn Khô Nhỏ, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; - Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển Hòn Nhàn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; - Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn.	
33	- Quyết định số 174/QĐ-UB ngày 26/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; - Văn bản số 3638/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo các nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Định; - Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Bình Định (Bản cập nhật năm 2021); - Quyết định số 3405/QĐ-BKHHCN ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Tiêu chí 6.1.1
34	- Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định; - Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn; - Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Thị Nại của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại; - Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt	Tiêu chí 6.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; - Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Tàu bán lẻ xăng dầu trên mặt nước của Công ty cổ phần Xăng dầu Quy Nhơn.	
35	Văn bản số 657/SKHCN-CN ngày 03/8/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh năm 2022	Tiêu chí 6.1.2, 6.3
36	- Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Kế hoạch số 11/KH-STNMT ngày 01/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022; - Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 15/02/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022.	Tiêu chí 7.1
37	- Báo cáo số 211/BC-STNMT ngày 07/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; - Báo cáo số 40/BQL-QLTNMT ngày 12/01/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc cung cấp thông tin phục vụ Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022.	Tiêu chí 7.2, 7.3
38	Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 24/3/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp	Tiêu chí 8.1.1
39	- Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn	Tiêu chí 8.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	tỉnh Bình Định; - Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường năm 2022.	
40	Báo cáo số 203/BC-STNMT ngày 02/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2022 (ước số liệu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022)	Tiêu chí 8.1.2, 8.2
41	Báo cáo số 209/BC-STNMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022	Tiêu chí 8.1.2, 8.1.3, 8.1.4
42	Văn bản số 1226/BQL-QLTNMT ngày 16/8/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc cung cấp thông tin phục vụ Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2022	Tiêu chí 8.1.2, 8.1.3, 8.1.4
43	- Báo cáo số 175/BC-BQL ngày 13/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022; - Báo cáo số 168/BC-STNMT ngày 31/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc khiếu kiện đông người liên quan đến ô nhiễm môi trường tại đầm Đề Gi (xã Cát Khánh, huyện Phù Cát và xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ).	Tiêu chí 8.2

Phụ lục I
BÁO CÁO DIỄN GIẢI KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

a) Tiêu chí 1.1: công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (5 điểm)

- Tiêu chí thành phần 1.1.1. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1 điểm): Nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo” thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh). Bên cạnh đó, nhiệm vụ “Báo cáo kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo năm 2022” thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 24/02/2023. Đồng thời, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được xây dựng lồng ghép trong Chương trình công tác năm 2022 được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 66/QĐ-STNMT ngày 14/02/2022;

- Tiêu chí thành phần 1.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm (4 điểm): Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo được thể hiện tại Báo cáo số 28/BC-STNMT ngày 02/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023, đồng thời được thể hiện qua các báo cáo của UBND tỉnh bao gồm: Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định năm 2022 và Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022.

b) Tiêu chí 1.2: đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Tiêu chí thành phần 1.2.1. Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm) và Tiêu chí thành phần 1.2.2. Giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém (1 điểm): Công tác đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và

hải đảo được thực hiện lồng ghép trong công tác kiểm điểm việc chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Kết quả thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 242/BC-STNMT ngày 01/12/2022. Trong Báo cáo số 242/BC-STNMT cũng đã đưa ra các hạn chế và nguyên nhân để từ đó đề ra giải pháp khắc phục thông qua việc xây dựng các nội dung nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

2. Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

a) Tiêu chí 2.1: rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm)

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua việc triển khai Kế hoạch số 06/KH-STNMT ngày 25/01/2022 về kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. Kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Sở Tư pháp qua Báo cáo số 263/BC-STNMT ngày 19/12/2022 về kết quả tự kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành năm 2022 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2022.

b) Tiêu chí 2.2: xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Theo Báo cáo số 263/BC-STNMT ngày 19/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường, sau khi rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan thì chưa phát hiện có văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

c) Tiêu chí 2.3: theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khi phát hiện các trường hợp vi phạm được thực hiện thông qua các nhiệm vụ do Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thực hiện như sau:

- Nhằm thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-STNMT ngày 17/02/2022 về thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022, trong đó có nội dung “*Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường*” với hình thức theo dõi là “*Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Kế hoạch*”

thanh tra, kiểm tra năm 2022 của Sở đã được phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-STNMT ngày 17/01/2022 của Giám đốc Sở, khi có chỉ đạo của UBND tỉnh và khi phát sinh khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền”. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường được Giám đốc Sở phê duyệt tại các Quyết định số 28/QĐ-STNMT ngày 17/01/2022 và Quyết định số 883/QĐ-STNMT ngày 08/12/2022. Kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Sở Tư pháp tại Báo cáo số 234/BC-STNMT ngày 25/11/2022;

- Nhằm kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong đó có 02 cơ sở ven biển tại xã Cát Hải, huyện Phù Cát (Vunam Resort của Công ty TNHH Ban Mai và Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Chánh Oai của Công ty cổ phần Châu Giang). Kết quả kiểm tra Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Chánh Oai, Công ty cổ phần Châu Giang đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, đất đai nên chưa triển khai dự án (theo Văn bản số 697/CCBVM-T-KSON ngày 22/8/2023 của Chi cục Bảo vệ môi trường). Đối với Dự án Vunam Resort (Khu nghỉ dưỡng cao cấp Ban Mai), Đoàn kiểm tra (được thành lập tại Quyết định số 654/QĐ-STNMT ngày 04/10/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường) đã làm việc với Công ty TNHH Ban Mai. Kết quả tại thời điểm kiểm tra, cơ sở đã đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình nghỉ dưỡng theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Theo báo cáo của Công ty, cơ sở đang tạm ngừng hoạt động để điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng và sẽ triển khai tiếp theo khi thực hiện đồng bộ các thủ tục pháp lý về điều chỉnh dự án (theo Văn bản số 2992/STNMT-CCBVM-T của Sở Tài nguyên và Môi trường).

3. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (10 điểm)

a) Tiêu chí 3.1: điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (6 điểm)

- Tiêu chí thành phần 3.1.1. Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (1 điểm): Công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo được thực hiện thông qua việc triển khai các nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua nhiệm vụ “Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022), “Điều tra, khảo sát sơ bộ hiện trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh” và “Điều tra, khảo sát hiện trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh” (theo Chương trình công tác năm 2022 tại Quyết định số 66/QĐ-STNMT ngày 14/02/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lồng ghép vào nhiệm vụ

quản lý tình hình xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, kiểm soát khí thải trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao (theo Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thực hiện theo chức năng quản lý hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ các hoạt động hàng hải tại khu vực cảng biển Quy Nhơn (theo Văn bản số 437/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 14/8/2023 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn);

- Tiêu chí thành phần 3.1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (4 điểm) và Tiêu chí thành phần 3.1.3. Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (1 điểm): Căn cứ theo chức năng và nhiệm vụ, các cơ quan quản lý nhà nước đã hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch công tác năm 2022. Sở Tài nguyên và Môi trường đã: hoàn thành nhiệm vụ “Nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022), qua đó đã khảo sát thu mẫu, thống kê, phân loại, đánh giá nước thải tại 66 điểm xả thải thuộc 33 xã, phường, thị trấn nằm ở ven sông và ven biển trên địa bàn tỉnh (theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh và Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: Nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định); hoàn thành nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát hiện trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh” (theo Quyết định số 995/QĐ-STNMT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ); thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2022 (theo Phụ lục 1 thuộc Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện công tác quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu về các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (được xây dựng vào năm 2016). Đến nay, hệ cơ sở dữ liệu nguồn thải tỉnh Bình Định đang vận hành và lưu trữ dữ liệu về nguồn thải đối với khoảng 370 cơ sở trên địa bàn tỉnh (trong đó có một số cơ sở hoạt động ven biển, chủ yếu tập trung lĩnh vực khách sạn, khu du lịch, nuôi trồng thủy sản) (theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh). Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam thông tin, dữ liệu về các nguồn thải ven biển trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 3899/STNMT-BHD ngày 30/12/2022. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã thống kê quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) của 42 dự án đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn khu kinh tế như sau: tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 2,5 tấn/ngày; tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 800 tấn/năm; tổng lượng chất thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 15.645,98 tấn/năm; tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh

ước tính khoảng 1.418 m³/ngày. Trong đó, nước thải phát sinh từ các cơ sở nằm trong Khu công nghiệp (KCN) A, B và khu vực phía Tây Nam Khu kinh tế Nhơn Hội, được thu gom, xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội trung bình khoảng 500 m³/ngày, còn lại là nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp (theo Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Thực hiện công tác quản lý hoạt động thu gom và xử lý chất thải tàu thuyền tại khu vực cảng biển Quy Nhơn, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thống kê có 423 m³ lượng rác thải sinh hoạt (Công ty cổ phần Môi trường Bình Định báo cáo) và 270 m³ lượng chất thải lỏng lẫn dầu (Doanh nghiệp tư nhân Hậu Sanh báo cáo) được thu gom và xử lý (theo Văn bản số 437/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 14/8/2023 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn). Nhìn chung, công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải chủ yếu tập trung ở đất liền, các hoạt động điều tra, thống kê trên biển và hải đảo còn hạn chế.

b) Tiêu chí 3.2: đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (4 điểm)

Tiêu chí thành phần 3.2.1. Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 3.2.2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1 điểm): Công tác đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua công tác quan trắc môi trường hằng năm của các cơ quan quản lý nhà nước. Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2022” và “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh” theo Chương trình công tác (theo Quyết định số 66/QĐ-STNMT ngày 14/02/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh, Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh, Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2022 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn có chức năng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường (môi trường không khí, chất lượng trầm tích trong nước biển, môi trường nước biển ven bờ, môi trường nước dưới đất) trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (theo Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện 20 đợt quan trắc chất lượng môi trường nước nuôi trồng thủy sản tại 09 điểm thuộc các vùng nuôi tôm nước lợ và 01 điểm thuộc vùng nuôi tôm hùm nước mặn xã Nhơn Hải. Thời gian thực hiện quan trắc môi trường nước bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 10 hàng năm. Đối với vùng nuôi tôm nước lợ quan trắc theo con nước thủy triều với tần suất 02 lần/tháng vào thời điểm gần đỉnh triều. Riêng vùng biển xã Nhơn Hải thì tần suất quan trắc là 01 lần/tháng (theo Báo cáo số 1836/BC-TS ngày 15/12/2022 của Chi cục Thủy sản, Văn bản số 26/TS-NTTS ngày 16/01/2023 của Chi cục Thủy sản và Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh). Thông qua kết quả quan trắc môi

trường của các cơ quan quản lý nhà nước đã đánh giá được tình trạng môi trường biển, hải đảo và đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

4. Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (11 điểm)

a) Tiêu chí 4.1: xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua nhiệm vụ “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2022”, “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh” và “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (theo Chương trình công tác năm 2022 tại Quyết định số 66/QĐ-STNMT ngày 14/02/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường).

Bên cạnh đó, thực hiện công tác quản lý nhà nước, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cũng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường (chất lượng trầm tích trong nước biển, môi trường nước biển ven bờ) trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (theo Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Ngoài ra, thực hiện công tác quản lý việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác quan trắc chất lượng môi trường nước tại các điểm thuộc các vùng nuôi trong tỉnh, đồng thời phối hợp Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, phường Ghềnh Ráng thuộc thành phố Quy Nhơn (theo Báo cáo số 1836/BC-TS ngày 15/12/2022 của Chi cục Thủy sản, Văn bản số 26/TS-NTTS ngày 16/01/2023 của Chi cục Thủy sản và Báo cáo khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Phường Ghềnh Ráng - Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm).

b) Tiêu chí 4.2: tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (2 điểm)

Thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2022”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc 13 vị trí chất lượng môi trường nước biển trên địa bàn tỉnh, hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh).

Thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc 18 vị trí với 02 mẫu/vị trí nước biển ven bờ (tầng mặt, tầng giữa, tầng đáy), hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra

(thể hiện trong Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh và Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2022 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Thực hiện công tác đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, định kỳ hàng năm, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn có chức năng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường nước biển ven bờ (05 điểm khu vực Đầm Thị Nại, 08 điểm gần các dự án du lịch ven biển từ xã Nhơn Hải đến xã Cát Hải) (thể hiện trong Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Thực hiện công tác quan trắc chất lượng môi trường nước tại các điểm thuộc các vùng nuôi trong tỉnh hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện 20 đợt quan trắc chất lượng môi trường nước nuôi trồng thủy sản tại 09 điểm thuộc các vùng nuôi tôm nước lợ và 01 điểm thuộc vùng nuôi tôm hùm nước mặn xã Nhơn Hải, hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong Báo cáo số 1836/BC-TS ngày 15/12/2022 của Chi cục Thủy sản và Văn bản số 26/TS-NTTS ngày 16/01/2023 của Chi cục Thủy sản).

c) Tiêu chí 4.3: tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua kết quả quan trắc, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước tại các đầm ven biển và nước biển ven bờ năm 2022 (thể hiện trong Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh và Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước biển ven bờ khu vực Đầm Thị Nại, các dự án du lịch ven biển từ xã Nhơn Hải đến xã Cát Hải thuộc địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội năm 2022 (thể hiện trong Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm nước lợ và vùng nuôi tôm hùm nước mặn năm 2022 (thể hiện trong Văn bản số 26/TS-NTTS ngày 16/01/2023 của Chi cục Thủy sản và Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh).

d) Tiêu chí 4.4: tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (2 điểm)

Thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc 07 vị trí với 01 mẫu/vị trí trầm tích biển, hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh và Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2022 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Thực hiện công tác đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối

hợp với đơn vị tư vấn có chức năng tiến hành thực hiện quan trắc chất lượng trầm tích trong nước biển tại Vịnh Mai Hương và Khu cảng tổng hợp Nhơn Hội (thể hiện trong Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

đ) Tiêu chí 4.5: tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua kết quả quan trắc, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành phân tích và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường trầm tích biển năm 2022 (thể hiện trong Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích tại Vịnh Mai Hương và Khu cảng tổng hợp Nhơn Hội thuộc địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội năm 2022 (thể hiện trong Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

e) Tiêu chí 4.6: tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua việc triển khai hoàn thành nhiệm vụ “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (theo Quyết định số 983/QĐ-STNMT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo tổng kết Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội), Sở Tài nguyên và Môi trường đã xác định được một số nội dung sau:

- Các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học: chủ yếu đến từ khai thác không bền vững và các biện pháp khai thác mang tính hủy diệt; lực lượng quản lý ở địa phương (UBND cấp xã) còn thiếu và yếu; ý thức của người dân không cao và sức hút thị trường cùng với áp lực cuộc sống hàng ngày đối với ngư dân nghèo quanh đầm; tác động của biến đổi khí hậu (chủ yếu là những cơn bão và mưa lớn kéo dài); công tác quản lý, bảo vệ gặp nhiều khó khăn; mô hình đồng quản lý chưa được áp dụng một cách có hiệu quả...;

- Thông tin về hệ sinh thái điển hình được ghi nhận tại khu vực đầm Đề Gi: Hệ sinh thái rừng kín nửa rụng lá thứ sinh trên đồi cát ven biển (phân bố chủ yếu ở đồi cát phía Đông Bắc của đầm; chủ yếu là cây bụi, cây bụi gai và cây gỗ nhỏ chịu hạn, rụng lá vào mùa khô; là nơi cư ngụ của các loài chim (Bìm bịp, Chim khách, Chà vôi,...) và bò sát (Nhông, Thằn lằn bóng). Có các loài ngoại lai chủ yếu là Bông ổi và Cỏ lào, ngoài ra còn có thấy Xương rồng); Hệ sinh thái rừng trảng trên cạn (phân bố chủ yếu ở một số khu vực nhỏ phía Bắc của đầm; đặc trưng cơ bản là rừng trảng phòng hộ chắn cát ven biển, chủ yếu là phi lao, keo và bạch đàn; là nơi cư ngụ của các loài chim (Bìm bịp, Chim khách, Chà vôi,...) và bò sát (Nhông, Thằn lằn bóng). Có các loài ngoại lai chủ yếu là Bông ổi và Cỏ lào, ngoài ra còn có thấy Xương rồng); Hệ sinh thái trảng cây bụi và trảng cỏ trên cạn (phân bố chủ yếu ở mạn phía Bắc, Đông và Đông Bắc của

đầm, phân bố rải rác, xen giữa các khu dân cư, đường giao thông, công trình công cộng và đòai cát, nằm ở phía trong và phía ngoài đường bê tông quanh đầm; đặc trưng cơ bản là các loài cây bụi, cây thảo chiếm phần lớn, đan xen có một số cây gỗ nhỏ, hầu hết là những loài chịu được khô hạn, đặc trưng cho vùng đòai, gò cát ven biển; là nơi cư ngụ của các loài bò sát (Nhông, Thằn lằn bóng). Có các loài ngoại lai chủ yếu là Bông ổi và Cỏ lào, ngoài ra còn có thấy Xương rồng); Hệ sinh thái nông nghiệp khu dân cư (phân bố ở tất cả các khu dân cư trong và ngoài đường bê tông quanh đầm. Khu dân cư bị giới hạn bởi đường bê tông bao quanh đầm; ở khu vực trong đầm hầu như chỉ có các cây gỗ cao, tạo bóng, không có các loài rau. Ở ngoài khu vực đường bê tông có nhiều quần thể cây trồng đa dạng, chủ yếu là cây ăn quả hoặc lấy nguyên vật liệu, xen kẽ là những cây gỗ khác đặc trưng cho vùng ven biển; là nơi cư ngụ của các loài bò sát (Nhông, Thằn lằn bóng), là sinh cảnh nghỉ đêm của các loài chim, kể cả một số loài chim biển. Bị các loài ngoại lai xâm hại, chủ yếu là Bông ổi, ngoài ra còn thấy có Xương rồng); Hệ sinh thái rừng ngập mặn (phân bố ở hầu hết các khu vực bờ vuông tôm, ao nuôi trồng hải sản của người dân ven đầm, phần lớn tập trung ở xã Mỹ Chánh, Mỹ Cát (Phù Mỹ) và xã Cát Minh (Phù Cát); gồm cả rừng tự nhiên (Mắm trắng, Đước đòai, Dừa nước, Bần chua,...) và rừng trồng (Đang, Bần trắng,...); nhóm loài quý hiếm có Cò ớc, Cò trắng Trung Quốc, Mèo cá; loài có giá trị kinh tế chủ yếu là các động vật thủy sinh cư ngụ dưới tán rừng ngập mặn (tự nhiên) hoặc trong các vuông nuôi trồng như Cua xanh, Cá dìa,...; là nơi cư ngụ của hầu hết các loài chim có mặt ở Đê Gi. Ngoài ra, dưới tán rừng, trong các vuông nuôi trồng thủy hải sản, còn có các loài có giá trị kinh tế khác); Hệ sinh thái ruộng muối (phân bố chủ yếu ở bên bờ phía Nam và Tây Nam của đầm; muối được khai thác chỉ một mùa trong năm. Do ảnh hưởng của nước ngọt nên mùa mưa, ruộng muối không được khai thác, bỏ hoang, là nơi tìm kiếm thức ăn của hầu hết các loài chim; là nơi cư ngụ của nhiều loài động vật thủy sinh, bao gồm cả cá và các loài Giáp xác, Thân mềm. Bị các loài ngoại lai xâm hại, chủ yếu là Ốc bươu vàng và Mai dương); Hệ sinh thái thủy vực khác (là hệ sinh thái bao trùm toàn bộ đầm, kết nối các sinh cảnh và các hệ sinh thái đã đề cập ở trên thành một thể toàn diện hơn. Thành phần sinh vật bao gồm các loài thực vật phù du, động vật phù du, động vật không xương sống bám đáy và các loài cá. Ngoài ra còn thường xuyên có các loài chim kiếm ăn trên mặt nước (khu vực sâu) hoặc lội nước tìm kiếm thức ăn (khu vực nông);

- Số liệu về thành phần loài trong hệ sinh thái đầm như sau: Đòai với hệ thực vật đã thống kê gồm ngành Dương Xỉ (01 lớp, 03 bộ, 03 họ, 03 loài), ngành Hạt kín (03 lớp, 23 bộ, 42 họ, 128 loài). Có một loài ghi nhận mới cho rừng ngập mặn ở Bình Định là Sú hay còn gọi là cây Trá đã bị diệt ở hầu hết các sinh cảnh rừng ngập mặn của Bình Định, chỉ mới được tìm lại ở khu vực phía Tây của đầm Đê Gi, nơi không được khai thác làm ao nuôi trồng thủy hải sản. Trước đây khu vực đầm Đê Gi vẫn ghi nhận thảm cỏ biển, tuy nhiên trong đợt khảo sát này không ghi nhận thảm cỏ biển do tác động chủ yếu của hoạt động nuôi trồng và khai thác của con người đã làm mất đi các thảm cỏ biển đã từng tồn tại trước đó. Đòai với hệ động vật thì có sự đa dạng các loài bao gồm các loài động vật có

xương sống như lưỡng cư (01 bộ, 01 họ, 01 loài), bò sát (01 bộ, 92 họ, 02 loài), chim (09 bộ, 28 họ, 69 loài), cá vây tia (17 bộ, 43 họ, 88 loài), thú (02 bộ, 02 họ, 03 loài) và các loài động vật đáy như thân mềm (02 lớp, 11 bộ, 14 họ, 39 loài), chân khớp (01 lớp, 01 bộ, 07 họ, 17 loài). Ghi nhận tại đầm Đề Gi, khi lượng mưa ít, độ mặn tăng lên, vùng nước bị xâm nhập mặn lấn sâu vào trung tâm đầm, diện tích vùng có nước (vùng trũng) thu hẹp đáng kể, các loài cá và nhiều loài thủy sinh khác bị thiếu môi trường phù hợp để sinh sống, đặc biệt là con non và ấu trùng, đáng kể nhất như các loài Cá chình đã không còn nơi sống trong nhiều mùa khô gần đây. Hiện tại, một số loài cá quý hiếm, có giá trị kinh tế cao gần như ít xuất hiện trong tự nhiên. Sự xuất hiện của sinh vật ngoại lai xâm hại làm thay đổi rõ rệt cấu trúc và thành phần loài. Trong quá trình điều tra tại đầm Đề Gi đã ghi nhận 06 loài thực vật ngoại lai xâm hại (Mai dương, Cỏ lào, Bông ổi hay Ngũ sắc, Bèo tây, Keo giậu, Cúc xuyên chi), 02 loài động vật ngoại lai xâm hại (Ốc bươu vàng và Bọ cánh cứng hại lá dừa) và 01 động vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại (Cá rô phi đen). Một số sinh vật ngoại lai như Ốc bươu vàng, Cá rô phi đen, Mai dương,... khi xuất hiện có vẻ chiếm ưu thế rõ rệt so với các loài bản địa do chúng rất dễ thích nghi với các điều kiện môi trường sống;

- Đề xuất các giải pháp có thể thực hiện để bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái, số lượng và thành phần loài tại đầm Đề Gi: Rà soát, đánh giá và xây dựng các thể chế chính sách của tỉnh liên quan đến quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học vùng đầm Đề Gi; Tăng cường công tác quản lý; Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng mô hình đồng quản lý; Tăng cường các nguồn lực cho công tác bảo tồn; Phân vùng khai thác sử dụng hợp lý các nguồn lợi thủy sản của đầm; Quản lý, cô lập, diệt trừ và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại; Chia sẻ dữ liệu trực tuyến đa dạng sinh học; Các giải pháp khác (giải pháp công trình). Theo đó, đề xuất một số dự án ưu tiên: Phân vùng quản lý, khai thác sử dụng hợp lý các nguồn lợi thủy sản của đầm; Hạn chế và diệt trừ sinh vật ngoại lai xâm hại; Hoàn thiện và triển khai cơ chế hoạt động của các Hội đồng liên xã trong hoạt động khai thác các nguồn lợi thủy sản; Xây dựng và triển khai mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng; Xây dựng luận chứng khoa học - kỹ thuật (Dự án) thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh; Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học đất ngập nước; Truyền thông, nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của cộng đồng; Tăng cường công tác thực thi pháp luật tại các khu đất ngập nước.

Thông qua hoạt động khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, phường Ghềnh Ráng thuộc thành phố Quy Nhơn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm đã xác định được một số nội dung sau (theo Báo cáo khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Phường Ghềnh Ráng - Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm):

- Các tác động lên vùng rạn san hô: lưới đánh cá, hoạt động neo đậu tàu thuyền, rác thải;

- Số liệu về độ phủ rạn san hô: Nhơn Lý có độ phủ san hô sống cao nhất (đạt 62,5%, thấp hơn so với năm 2021 khoảng 2%), tiếp đến là Nhơn Hải (gần 37%, kết quả tương đồng với năm 2021) và cuối cùng là Ghềnh Ráng (30%, kết quả tương đồng với năm 2021);

- Số liệu về thành phần rạn san hô: san hô cứng và đá là hai thành phần chính trong hợp phần đáy; san hô mềm chỉ được ghi nhận tại mặt cắt giám sát Nhơn Lý. Thành phần cá rạn tại Hòn Khô Nhỏ, Nhơn Hải gồm: cá đĩa, cá mó, cá thia, cá bướm, cá thù lù và một số loại cá khác, trong đó, mật độ cá mó chiếm tỷ lệ cao (8,5 cá thể/100m²). Nhìn chung, thành phần cá rạn năm 2022 đa dạng hơn, nhưng mật độ thấp hơn so với năm 2021. Thành phần động vật đáy lớn tại Hòn Khô Nhỏ, Nhơn Hải ít hơn nhiều so với kết quả khảo sát năm 2021, chỉ ghi nhận các thành phần: cầu gai đen, ốc mặt trắng, cầu gai bút chì với mật độ thấp, cao nhất là ốc mặt trắng (1,5 cá thể/100m²). Thành phần cá rạn tại Bãi Dứa, Nhơn Lý gồm: cá thia, cá bò da, cá chìa sừng và một số loại cá khác với mật độ tương đối. Nhìn chung, thành phần và mật độ cá rạn năm 2022 thấp hơn so với năm 2021. Thành phần động vật đáy lớn tại Bãi Dứa, Nhơn Lý chỉ có cầu gai đen, ốc đụn và bàn mai, trong đó, mật độ cầu gai đen khá cao và cao vọt trội hơn so với năm 2021 (34 cá thể/100m²). Khảo sát cho thấy mật độ và thành phần động vật đáy giảm nhiều so với năm 2021. Thành phần cá rạn tại Ghềnh Ráng gồm: cá đĩa, cá bấp nẻ, cá mó, cá thia, cá thù lù, cá bánh lái... trong đó, cá thia, cá bánh lái, cá bấp nẻ là những loài có mật độ cao trong rạn. Thành phần động vật đáy lớn tại Ghềnh Ráng gồm: cầu gai đen, trai tai tượng, bào ngư, trong đó, cầu gai đen là loài có mật độ cao nhất (8,75 cá thể/100m²). Bào ngư là chỉ tiêu mới được đưa vào giám sát năm 2022 và có mật độ thấp trên điểm giám sát. So với kết quả giám sát năm 2021, thành phần và mật độ động vật đáy lớn năm 2022 thấp hơn rất nhiều;

- Khuyến nghị: Đề nghị các địa phương, Tổ đồng quản lý thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh tại các rạn san hô ở các vùng rạn san hô. Đối với xã Nhơn Lý: đề nghị địa phương di dời các bè neo đậu ra khỏi khu vực san hô đã được khoanh vùng bảo vệ theo hướng xa bờ đảo. Đối với phường Ghềnh Ráng: Tổ đồng quản lý tiếp tục truyền thông và duy trì hơn nữa công tác tuần tra kiểm soát trên biển tại khu vực bảo vệ san hô và các vùng lân cận. Đối với xã Nhơn Hải: tăng cường truyền thông dành cho các thành phần đơn vị, cá nhân và du khách tham gia hoạt động bơi lội biển tại khu vực bảo vệ về quy định không được phép khai thác thủy sản tại vùng bảo vệ này.

g) Tiêu chí 4.7: tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua việc triển khai hoàn thành nhiệm vụ “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (theo Quyết định số 983/QĐ-STNMT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo tổng kết Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt

chúng tại Đầm Đề Gi của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội), Sở Tài nguyên và Môi trường xác định được nội dung: đầm Đề Gi là khu vực có tính đa dạng sinh học tương đối cao với các loài động vật và thực vật điển hình. Kết quả điều tra đã ghi nhận được tổng số 344 loài, 137 họ, 64 bộ, 9 lớp, 5 ngành của hai giới động vật và thực vật. Trong đó, giới thực vật có 131 loài thuộc 45 họ, 26 bộ, 4 lớp, 2 ngành và giới động vật ghi nhận có 213 loài, 92 họ, 38 bộ, 5 lớp, 3 ngành. Về các loài quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, căn cứ theo Sách đỏ Việt Nam (2007), đã xác định được 7 loài sẽ nguy cấp. Kết quả cũng đã xác nhận có 03 loài được ghi nhận trong Sách đỏ của IUCN; trong đó chỉ có 01 loài sẽ nguy cấp (VU), 02 loài khác thuộc danh mục ít quan tâm (LC). Về các loài có giá trị kinh tế, đã xác định tổng số có 58 loài, trong đó, thực vật có 42 loài có giá trị sử dụng, động vật có 16 loài (03 loài chân khớp, 6 loài thân mềm và 7 loài động vật có xương sống).

Thông qua hoạt động khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, phường Ghềnh Ráng thuộc thành phố Quy Nhơn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm nhận xét, đánh giá rạn san hô tại ba điểm giám sát đều được xếp hạng sức khỏe khá, tốt. Rạn san hô và các thành phần nguồn lợi trong rạn được duy trì khá tốt và có khả năng phục hồi. Tại Nhơn Hải, thành phần và mật độ cá rạn, động vật đáy nhiều hơn hai điểm còn lại. Đã ghi nhận 01 cá thể càu gai bút chì tại khu vực Nhơn Hải, điều này hết sức đặc biệt, thể hiện sự đa dạng và mức độ phục hồi nguồn lợi tại vùng rạn này. Mặc dù các tác động lên vùng rạn như: vết neo tàu thuyền, rác thải, vết đánh thuốc nổ... giảm nhưng thành phần và mật độ cá rạn, động vật đáy lớn tại các rạn thấp hơn nhiều so với năm 2021 (theo Báo cáo khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô khu vực xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Phường Ghềnh Ráng - Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm).

h) Tiêu chí 4.8: tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (2 điểm)

Theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trên địa bàn tỉnh hiện có 04 cơ sở hoạt động ven biển thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước (03 trường hợp xả thải ra sông ven biển và 01 trường hợp xả thải ra Đầm Thị Nại) đó là: Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép (Cấp lại, gia hạn lần 1) số 186/GP-BTNMT ngày 15/10/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường), Nhà máy xử lý nước thải 2A của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 66/GP-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh), Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy

phép (Gia hạn lần 1) số 51/GP-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh), Khu xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội (phân kỳ I, giai đoạn 1) của Ban Quản lý Dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định (được cấp phép xả nước thải sau xử lý ra đầm Thị Nại tại Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 09/11/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) (theo Văn bản số 1371/UBND-KT ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh). Trong năm 2022, các đơn vị đều thực hiện báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải theo quy định cho các cơ quan quản lý nhà nước, phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động quan trắc việc xả thải tại các khu vực ven biển (theo Văn bản số 273/BQLCI-GS ngày 14/12/2022 của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn và Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình, Nhà máy xử lý nước thải 2A, Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ và Khu xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội (phân kỳ I, giai đoạn 1) đều đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải. Tuy nhiên, hiện nay, chỉ có Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ đủ điều kiện kết nối truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường (theo Văn bản số 1371/UBND-KT ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh, Văn bản số 39/CCBVMT-KSON ngày 13/01/2023 của Chi cục Bảo vệ môi trường và Văn bản số 252/STNMT-CCBVMT ngày 27/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

Nhằm phục vụ công tác theo dõi, giám sát hệ thống quan trắc tự động việc xả thải, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai xây dựng và hoàn thành nhiệm vụ “Xây dựng Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải tỉnh Bình Định” (theo Quyết định số 611/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ).

5. Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (25 điểm)

a) Tiêu chí 5.1: kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (3 điểm)

Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo được lồng ghép trong Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 570/QĐ-STNMT ngày 25/12/2017 về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Tiêu chí 5.2: phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (14 điểm)

- Tiêu chí thành phần 5.2.1. Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (8 điểm): Thông qua các kết quả quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định, quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn

tình, quan trắc môi trường (môi trường không khí, chất lượng trầm tích trong nước biển, môi trường nước biển ven bờ, môi trường nước dưới đất) trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và quan trắc chất lượng môi trường nước nuôi trồng thủy sản đã rà soát, xác định được tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của một số khu vực biển và hải đảo (theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh, Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh, Báo cáo số 184/BC-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh);

- Tiêu chí thành phần 5.2.2. Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (1 điểm): Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1153/UBND-KT ngày 08/3/2021 về việc thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy nhanh việc hoàn thành xử lý ô nhiễm của Cảng cá Quy Nhơn (theo Văn bản số 2417/STNMT-CCBVM ngày 08/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường) và UBND huyện Phù Mỹ đẩy nhanh việc hoàn thành xử lý ô nhiễm của Làng nghề chế biến hải sản khô xuất khẩu Xuân Bình - Xuân Thạnh (theo Văn bản số 2433/STNMT-CCBVM ngày 09/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu xử lý ô nhiễm môi trường do hoạt động sơ chế mực xà tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát (theo Văn bản số 5176/UBND-TD ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh).

- Tiêu chí thành phần 5.2.3. Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (5 điểm): Trong năm 2022, UBND huyện Phù Mỹ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện công tác khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại Làng nghề chế biến cá cơm khô Mỹ An và Cảng cá Quy Nhơn, làm cơ sở cho việc rút tên khỏi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường đối với 02 cơ sở. Bên cạnh đó, Bãi rác núi Bà Hỏa (đã đóng cửa từ năm 2009) đã rút tên khỏi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (vì Bãi chôn lấp Chất thải rắn Long Mỹ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường). Ngoài ra, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra và UBND huyện Phù Cát đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường 30 trường hợp sơ chế mực xà trên địa bàn xã Cát Khánh với tổng mức tiền phạt là 1.388,5 triệu đồng, đồng thời yêu cầu các hộ dân khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và xây dựng công trình xử lý nước thải theo đúng quy định (theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh và Báo cáo số 416/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Phù Cát). Nhìn chung, công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo được các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương thường xuyên tham mưu UBND tỉnh thực hiện, tuy nhiên, vẫn chưa xử lý được hoàn toàn tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường hiện nay.

c) Tiêu chí 5.3: cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (8 điểm)

- Tiêu chí thành phần 5.3.1. Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (1 điểm): Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (tại Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh), ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 về thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh) và Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Tiêu chí thành phần 5.3.2. Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (7 điểm): Trong năm 2022, thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan đã tham mưu UBND tỉnh triển khai một số hoạt động chống rác thải nhựa trên địa bàn ven biển bao gồm: tổ chức Lễ phát động ra quân dọn vệ sinh bãi biển tại khu vực bãi biển thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát; tổ chức Ngày hội “Thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình và nhận quà tặng” tại Trung tâm Thương mại Quy Nhơn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn; tiếp tục duy trì mô hình bãi biển du lịch sạch không rác thải nhựa ở xã Nhơn Lý; mô hình phân loại rác thải tại nguồn ở xã Nhơn Châu, Nhơn Lý; mô hình tổ phụ nữ thu gom rác thải ở xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và phường Ghềnh Ráng; mô hình nhà hàng thân thiện không sử dụng đồ nhựa một lần ở xã Nhơn Lý, Nhơn Hải (thuộc Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định”); hỗ trợ 05 thùng rác công cộng cho UBND xã Nhơn Hải và tổ chức làm sạch bãi biển dọc bờ kè xã (thuộc Chương trình “Nhơn Hải - Biển xanh vậy gọi”), đồng thời hỗ trợ 60 thùng rác đặt dọc tuyến biển xã Nhơn Hải; hỗ trợ 12 thùng đựng rác thải sinh hoạt cho các phường, xã trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp và thực hiện thu gom rác thải tại một số vị trí trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội; tổ chức ra quân dọn vệ sinh khu vực bãi biển tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển (theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh). Thực hiện Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan đã tham mưu UBND tỉnh triển khai một số hoạt động nhằm bảo vệ, bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển bao gồm: tiếp tục triển khai thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản” tại 31 xã,

phường ven đầm, ven biển (giải cứu được 08 cá thể rùa biển; thả 10.000 con cá chẻm giống xuống đầm Thị Nại và 52.600 con cá giống các loại như rô nhím, rô đơn tính, trắm, mè xuống đầm Trà Ô; làm sạch bãi biển, đáy biển tại khu vực bảo vệ rạn san hô và bắt sao biển gai tại 04 xã, phường Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và Ghềnh Ráng;...) (theo Báo cáo số 1894/BC-TS ngày 29/12/2022 của Chi cục Thủy sản); duy trì các mô hình đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Bãi Dứa, xã Nhơn Lý (theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn), khu vực phía Tây Hòn Khô Nhỏ, xã Nhơn Hải (theo Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 12/11/20220 của UBND thành phố Quy Nhơn), khu vực biển Hòn Nhàn, phường Ghềnh Ráng (theo Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn) và khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu và (Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn); trồng cây xanh bảo vệ môi trường (60 cây tại tuyến đường số 6, khu tái định cư xã Nhơn Hải và 40 cây tại tuyến đường Nhơn Hội, Nhơn Hải) (theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh).

6. Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (10 điểm)

a) Tiêu chí 6.1: chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển (2 điểm)

- Tiêu chí thành phần 6.1.1. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm): UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu xây dựng các kế hoạch liên quan ứng phó sự cố môi trường biển bao gồm: Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Định (được Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-UB ngày 26/5/2014), đồng thời thực hiện báo cáo Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (trước đây là Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn) các nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch theo Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu tại Văn bản số 3638/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh, theo đó đã xác định Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh (trước đây là Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh) lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Bình Định (Bản cập nhật năm 2021) (được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 17/12/2021); Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định (được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tại Quyết định số 3405/QĐ-BKHCN ngày 04/12/2017);

- Tiêu chí thành phần 6.1.2. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân (1 điểm): Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của 05 cảng, cơ sở, bao gồm: Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định (tại Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 05/4/2013), Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV

Cảng Quy Nhơn (tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 10/7/2013), Cảng Thị Nại của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại (tại Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 14/8/2017), Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (tại Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/11/2019) và Tàu bán lẻ xăng dầu trên mặt nước của Công ty cổ phần Xăng dầu Quy Nhơn (tại Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 01/6/2022). Ngoài ra, có 02 cơ sở hoạt động ven biển đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, cụ thể là: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định và Bệnh viện Quân y 13 (theo Văn bản số 657/SKHCN-CN ngày 03/8/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ).

b) Tiêu chí 6.2: phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (7 điểm)

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh Bình Định không xảy ra sự cố môi trường biển (sự cố tràn dầu, hóa chất độc, phóng xạ) (theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh).

c) Tiêu chí 6.3: kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm)

Về công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt của các Doanh nghiệp, lập kế hoạch đưa vào chương trình kiểm tra định kỳ hoạt động của Doanh nghiệp, trong đó có nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường (theo Văn bản số 437/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 14/08/2023 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn). Về công tác kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của các cơ sở hoạt động ven biển, trong năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai 01 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân (48 đối tượng sử dụng thiết bị bức xạ trong y tế và 01 đối tượng sử dụng thiết bị bức xạ trong soi chiếu hành lý) (theo Văn bản số 657/SKHCN-CN ngày 03/8/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ). Nhìn chung, các đối tượng phải lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển vẫn chưa xây dựng các kế hoạch đầy đủ nên công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch vẫn chưa đảm bảo hoàn toàn.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

a) Tiêu chí 7.1: kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (1 điểm)

Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh), Kế hoạch truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh), Kế

hoạch số 11/KH-STNMT ngày 01/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022 và Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 15/02/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022.

b) Tiêu chí 7.2: kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (5 điểm)

Thực hiện Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh, Kế hoạch số 11/KH-STNMT ngày 01/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 15/02/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (theo Báo cáo số 211/BC-STNMT ngày 07/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 40/BQL-QLTNMT ngày 12/01/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện một số hoạt động sau:

- In và treo băng rôn, phướn tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới năm 2022 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và 03 huyện ven biển Phù Cát, Tuy Phước, Phù Mỹ;
- Dựng pano tuyên truyền bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn;
- Tổ chức Lễ phát động và ra quân dọn vệ sinh bãi biển tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát;
- Tổ chức cuộc thi và triển lãm ảnh nghệ thuật “Lăng kính xanh” năm 2022.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức Hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý môi trường và lồng ghép thông tin về môi trường biển, đảo nhằm nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường của các Doanh nghiệp;
- Tổ chức in 600 tờ áp phích gửi trực tiếp đến các Doanh nghiệp để tuyên truyền các sự kiện môi trường lớn trong năm như: Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn;
- Hỗ trợ 12 thùng đựng rác thải sinh hoạt cho các phường, xã trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thu gom rác thải tại các khu dân cư;

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên xã ven biển trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội thực hiện thu gom rác thải tại một số vị trí trên địa bàn Khu kinh tế, góp phần nâng cao nhận thức của người dân địa phương về bảo vệ môi trường;

- Đăng các bài viết, hình ảnh liên quan đến bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên biển, phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch biển gắn phát triển kinh tế xã hội trong bản tin Khu kinh tế Nhơn Hội, xuất bản định kỳ hàng quý, gửi đến các Doanh nghiệp và đăng tải trên website (<https://kkt.binhdingh.gov.vn>) của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, triển khai thực hiện.

c) Tiêu chí 7.3: hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (2 điểm)

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai 04 hình thức tuyên truyền và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã triển khai 05 hình thức tuyên truyền (được trình bày tại Tiêu chí 7.2).

8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo (10 điểm)

a) Tiêu chí 8.1: thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (7 điểm)

- Tiêu chí thành phần 8.1.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (1 điểm): Trong năm 2022, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 tại các Quyết định số 28/QĐ-STNMT ngày 17/01/2022 và Quyết định số 883/QĐ-STNMT ngày 08/12/2022. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 24/3/2022 kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp, trong đó có lồng ghép nội dung kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại các Doanh nghiệp.

- Tiêu chí thành phần 8.1.2. Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2 điểm):

Thực hiện theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định (Đoàn kiểm tra liên ngành được thành lập theo Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh) (trong đó có 04 Doanh nghiệp hoạt động ven đầm, ven biển bao gồm: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức khai thác đất san lấp tại núi Một, thôn Phú Trung, xã Cát Thành và thôn Phú Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát; Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương khai thác cát xây dựng tại sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn; Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành khai thác đất san lấp tại mỏ PM04, thôn Trung Xuân, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ; Công ty TNHH Công nghệ và Xây dựng Nam Ngân khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ PC08, thôn Phú Trung, xã Cát Thành, huyện Phù Cát), kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động

sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch kiểm tra được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 (trong đó có 02 trường hợp hoạt động ven biển tại xã Cát Hải, huyện Phù Cát bao gồm: dự án Vunam Resort của Công ty TNHH Ban Mai và dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Chánh Oai của Công ty Cổ phần Châu Giang) (theo Báo cáo số 203/BC-STNMT ngày 02/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Kết quả kiểm tra 04 Doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản ven đầm, ven biển cho thấy chủ yếu: chưa lắp đặt camera, trạm cân theo quy định; chưa được cấp có thẩm quyền cho thuê đất phục vụ khai thác khoáng sản; chưa có hoặc chưa hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt; chưa thực hiện công tác báo cáo giám sát môi trường; chưa cung cấp số liệu về nghĩa vụ tài chính liên quan đến mỏ (theo Báo cáo số 209/BC-STNMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của 02 trường hợp hoạt động ven biển tại xã Cát Hải, huyện Phù Cát cho thấy: Công ty cổ phần Châu Giang đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, đất đai nên chưa triển khai dự án (theo Văn bản số 697/CCBVMT-KSON ngày 22/8/2023 của Chi cục Bảo vệ môi trường); Công ty TNHH Ban Mai đang tạm ngừng hoạt động của dự án để điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng và sẽ triển khai tiếp theo khi thực hiện đồng bộ các thủ tục pháp lý về điều chỉnh dự án (theo Văn bản số 2992/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường). Thực hiện Kế hoạch kiểm tra năm 2022, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khoảng 20 đợt kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại các Doanh nghiệp và phát hiện một số tồn tại, đồng thời duy trì hoạt động Tổ công tác chống khai thác, vận chuyển cát trái phép trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và kịp thời phát hiện 04 trường hợp vi phạm (theo Văn bản số 1226/BQL-QLTNMT ngày 16/8/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Thực hiện công tác quản lý tại địa phương, UBND huyện Phù Cát đã kiểm tra một số trường hợp hoạt động sơ chế mực xà gây ô nhiễm môi trường tại xã Cát Khánh và phát hiện 02 trường hợp khai thác cát trái phép tại xã Cát Thành, Cát Chánh (theo Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh).

- Tiêu chí thành phần 8.1.3. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 8.1.4. Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra (1 điểm): Đối với các tồn tại của 04 Doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản ven đầm, ven biển, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phối hợp với các sở, ngành, địa phương tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu các Doanh nghiệp thực hiện theo quy định đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và các quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường. Trường hợp đơn vị nào không thực hiện thì lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định (theo Báo cáo số 209/BC-STNMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Đối với các tồn tại của các Doanh nghiệp trong các đợt kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã kịp thời chấn chỉnh,

hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thành việc khắc phục các tồn tại. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 trường hợp khai thác, vận chuyển cát trái phép (tổng cộng số tiền phạt là 5.300.000 đồng), 01 trường hợp chuyển Công an thành phố Quy Nhơn điều tra, làm rõ theo quy định pháp luật (theo Văn bản số 1226/BQL-QLTNMT ngày 16/8/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện Phù Cát, UBND huyện đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản 02 trường hợp khai thác cát trái phép tại xã Cát Thành (Mai Minh Thúc) và Cát Chánh (Trần Văn Phương) với tổng mức tiền phạt là 90 triệu đồng, tịch thu phương tiện xe Máy đào (máy múc) (hiện còn trường hợp Trần Văn Phương chưa nộp phạt), đồng thời quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường 30 trường hợp sơ chế mực xà trên địa bàn xã Cát Khánh với tổng mức tiền phạt 1.388,5 triệu đồng. Các trường hợp vi phạm chưa chấp hành Quyết định, UBND huyện chỉ đạo UBND xã Cát Khánh phối hợp với Mặt trận và các hội, đoàn thể xã tổ chức tuyên truyền, vận động, yêu cầu các cơ sở vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do UBND huyện ký ban hành. Qua đó, có 01 trường hợp đã thực hiện Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt, thu 18 triệu đồng. Các trường hợp còn lại trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền nộp phạt, UBND huyện đang thực hiện các thủ tục cưỡng chế theo quy định (theo Báo cáo số 416/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Phù Cát).

b) Tiêu chí 8.2: giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 235 đơn, vụ việc khiếu nại và 11 đơn, vụ việc tố cáo, không có đơn, vụ việc liên quan lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (theo Báo cáo số 203/BC-STNMT ngày 02/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo (theo Báo cáo số 175/BC-BQL ngày 13/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu xác minh thông tin việc khiếu kiện đông người liên quan đến ô nhiễm môi trường tại đầm Đề Gi (theo Báo cáo số 168/BC-STNMT ngày 31/8/2022)./.

Phụ lục II

**BỘ CHỈ SỐ, NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
ND 1	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 1.1	Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	5	5		
TCTP 1.1.1	Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	1	1		
-	Không có kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc không có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	0			
TCTP 1.1.2	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm	4	4		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 80% đến 100% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	4	4		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	2			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	1			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt dưới 30% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	0			
TC 1.2	Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
TCTP 1.2.1	Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Có thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Không thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 1.2.2	Giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém	1	1		
-	Có các giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không có các giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 2	RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA; THEO DÕI, KIỂM TRA TÌNH HÌNH THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 2.1	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Có thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật	2	2		
-	Không thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật	0			
TC 2.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Không xử lý do không phát hiện bất cập, chồng chéo qua rà soát, hệ thống hóa và không có kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3	3		
-	Đã xử lý đạt từ 80% đến 100% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3			
-	Đã xử lý đạt từ 50% đến dưới 80% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	2			
-	Đã xử lý đạt dưới 50% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	0			
TC 2.3	Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khi phát hiện các trường hợp vi phạm	3	3		
-	Không thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 3	ĐIỀU TRA, THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN THẢI TỪ ĐẤT LIỀN, TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	10	83,3%	Khá

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 3.1	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	8	6		
TCTP 3.1.1	Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	1	1		
-	Có kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	1	1		
-	Không có kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.1.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	4	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	0			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TCTP 3.1.3	Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		
-	Có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		
-	Không có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	0			
TC 3.2	Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	4	4		
TCTP 3.2.1	Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	3	3		
-	Đã đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	3	3		
-	Chưa đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	0			
TCTP 3.2.2	Đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	1	1		
-	Chưa có đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý gây ra	0			
ND 4	ĐỊNH KỲ QUAN TRẮC VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC, TRẦM TÍCH VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CÁC KHU VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	11	91,6%	Tốt

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 4.1	Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không có chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.2	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.3	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
	Không tổ chức đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 4.4	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.5	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.6	Tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2	1		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1,5			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.7	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.8	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của từ 80% đến 100% các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của từ 50% đến dưới 80% các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	1,5			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của từ 30% đến dưới 50% các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	1			
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của dưới 30% các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	0			
ND 5	PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, XỬ LÝ, KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN, HẢI ĐẢO; CẢI THIỆN VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN VÀ HẢI ĐẢO BỊ Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI	30	25	83,3%	Khá
TC 5.1	Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Không có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	0			
TC 5.2	Phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	19	14		
TCTP 5.2.1	Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	8	8		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của từ 80% đến 100% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của từ 50% đến dưới 80% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	6			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của từ 30% đến dưới 50% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	4			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của dưới 30% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 5.2.2	Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	1	1		
-	Không có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	0			
TCTP 5.2.3	Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	10	5		
-	Đã xử lý, khắc phục đạt từ 80% đến 100% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	10			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Đã xử lý, khắc phục đạt từ 50% đến dưới 80% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	5	5		
-	Đã xử lý, khắc phục đạt dưới 50% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	0			
TC 5.3	Cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	8	8		
TCTP 5.3.1	Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Có kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Không có kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
TCTP 5.3.2	Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
ND 6	ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN	12	10	83,3%	Tốt
TC 6.1	Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển	3	2		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TCTP 6.1.1	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển	1	1		
-	Đã có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	1	1		
-	Không có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			
TCTP 6.1.2	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân	2	1		
-	Từ 80% đến 100% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	2			
-	Từ 50% đến dưới 80% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	1	1		
-	Dưới 50% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	0			
TC 6.2	Phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	7	7		
TCTP 6.2.1	Phát hiện sự cố môi trường biển	1			
-	Đã phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	1			
-	Không phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	0			
TCTP 6.2.2	Ứng phó sự cố môi trường biển	3			
-	Đã kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	3			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Không kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	0			
TCTP 6.2.3	Khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường biển	3			
-	Đã kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	3			
-	Không kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			
TC 6.3	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển	2	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được từ 80% đến 100% các đối tượng phải lập kế hoạch	2			
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được từ 50% đến dưới 80% các đối tượng phải lập kế hoạch	1	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được dưới 50% các đối tượng phải lập kế hoạch	0			
ND 7	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 7.1	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch hoặc có nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	1	1		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Không có kế hoạch hoặc không có nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	0			
TC 7.2	Kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	0			
TC 7.3	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng phong phú	2	2		
-	Không có nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng, phong phú	0			
ND 8	THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO	10	10	100%	Tốt

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 8.1	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	7	7		
TCTP 8.1.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 8.1.2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch	0			
TCTP 8.1.3	Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 80% đến dưới 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	2			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 50% đến dưới 80% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt dưới 50% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0			
TCTP 8.1.4	Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra	1	1		
-	Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			
TC 8.2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã giải quyết được 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	3	3		
-	Đã giải quyết được từ 80% đến dưới 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	2			
-	Đã giải quyết được từ 50% đến dưới 80% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	1			
-	Đã giải quyết được dưới 50% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	0			